TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ N** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 377/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30-7-2020
V/v: ly hôn giữa
Chị Trần Thị H và Trần Anh D.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Mạnh Hà

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quang Bảo

2. Bà Vương Thị Minh Tân.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Mai Thị Thu Hiền – Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Hải Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 228/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 06 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1993; Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 111 đường V, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định.

2. Bị đơn:Anh Trần Anh D, sinh năm 1985; Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 111 đường V, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa chị T va anh D có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 30-5-2020, bản tự khai ngày 12-6-2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Trần Thị H trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị và Anh Trần Anh D có tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố N năm 2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường mấy tháng thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do

cuộc sống chung nảy sinh nhiều bất đồng, hai bên không hòa hợp nhau về lối sống, tính cách, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau. Vợ chồng đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn nhưng đến nay mâu thuẫn vẫn không giải quyết được, hiện nay chị đã trở về nhà bố mẹ đẻ để ở. Nay chị xác định quan hệ vợ chồng không hàn gắn đoàn tụ được, chị không còn tình cảm với anh D nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Trần Anh D.

- *Về con chung*: Chị xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Trần Phương B, sinh ngày 02-3-2019. Quan điểm của chị xin được nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị vẫn giữ quan điểm như tại phiên hòa giải anh chị thống nhất thỏa thuận giao cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và anh D cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000 đồng/tháng.

- *Về tài sản chung và công nợ chung*: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai ngày 15-6-2020 và tại phiên tòa bị đơn là anh Trần Anh D trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: anh xác nhận thời gian tìm hiểu và đăng ký kết hôn như chị T trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do nhau nguyên nhân do hai bên không hòa hợp về tính cách, quan điểm sống nên xảy ra tranh luận với nhau. Bản thân anh đã nhiều lần góp ý nói chuyện với chị T để giải quyết mâu thuẫn nhưng do quan điểm sống trái ngược nhau nên không thể tìm được tiếng nói chung. Chị T luôn cho rằng anh phán xét chị T, chị T không có thiện chí xây dựng hạnh phúc gia đình. Hiện nay chị T đã trở về nhà ngoại sống. Nay chị T làm đơn xin ly hôn quan điểm của anh không nhất trí ly hôn mong chị T quay về đoàn tụ vì con chung còn rất nhỏ, vợ chồng có gì sai thì cùng nói chuyện thiện chí để giải quyết mâu thuẫn.

- *Về con chung*: Anh xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Trần Phương B, sinh ngày 02-3-2019. Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa anh chị đã thống nhất thỏa thuận giao cho chị Trần Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và anh cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000 đồng/tháng.

- *Về tài sản chung và công nợ chung*: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại biên bản xác minh ngày 24-6-2020 chính quyền địa phương cung cấp: Quá trình chung sống chị Trần Thị H và anh Trần Anh D phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do không hòa hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Chị T làm đơn xin ly hôn quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án hòa giải để hai bên đoàn tụ, nếu hòa giải không thành thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N phát biểu quan điểm:

Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ theo Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng nhiệm vụ quyền hạn theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ly hôn chị Trần Thị H và anh Trần Anh D. Về nuôi con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cho chị Trần Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trần Phương B, sinh ngày 02-3-2019. Anh Trần Anh D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000 đồng kể từ tháng 7-2020 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và công nợ: chị T và anh D không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Trần Anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND phường N thành phố N năm 2008 nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do hai bên không hòa hợp về tính cách, quan điểm sống nên xảy ra va chạm cãi nhau. Hiện nay anh chị đã sống ly thân mỗi người một nơi không quan tâm tới nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải tạo điều kiện để hai bên đoàn tụ nhưng chị T vẫn xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ được. Tại phiên tòa hôm nay chị T vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết ly hôn với anh D, anh D có quan điểm không đồng ý ly hôn.

Xét thấy quan hệ hôn nhân của chị T và anh D mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Trần Anh D.

[2] Về nuôi con chung: Chị T và anh D có 01 con chung là Trần Phương B, sinh ngày 02-3-2019. Tại phiên hòa giải chị T và anh D thống nhất thỏa thuận giao cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung, anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa chị T và anh D vẫn giữ nguyên quan điểm đã thỏa thuận như trên. Xét thấy sự tự thỏa thuận trên của anh chị là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thỏa thuận về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung của anh chị.

[3] Về tài sản chung và công nợ chung: chị T và anh D không yêu cầu Tòa

án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: anh D phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Trần Anh D

2. Về nuôi con chung:

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau: Giao cho chị Trần Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trần Phương B, sinh ngày 02-3-2019. Anh Trần Anh D cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/tháng kể từ tháng 7-2020 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Trần Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng chị Trần Thị H đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002954 ngày 04 tháng 6 năm 20120 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Nam Định.

Anh Trần Anh D phải nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Chị Trần Thị H và anh Trần Anh D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì chị Trần Thị H và anh Trần Anh D có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND thành phố N
- Chi cục THADS thành phố N;
- UBND phường N;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Mạnh Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Mạnh Hà